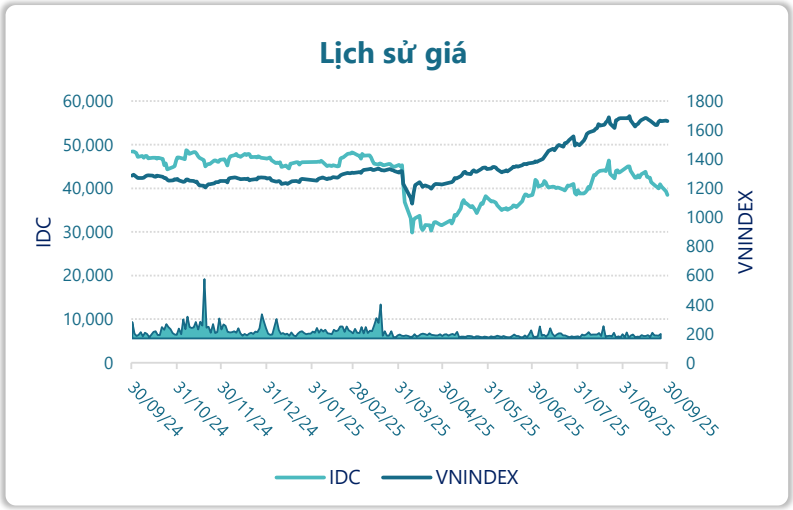
FireAnt

Tổng công ty IDICO - CTCP (HNX: IDC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**38,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,732
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,841
SL cổ phiếu LH	379,498,823
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,191,460
% sở hữu nước ngoài	10.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,611
P/E	7.9
EPS	4,850

DT thuần

Q3/25

2,871

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,108| 62.9%

YoY: ▲ 595| 26.2%

LN sau thuế

Q3/25

981

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 565| 136%

YoY: ▲ 407| 70.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

43.6%

+/- YoY: ▲ 10.8%

DT thuần

9T 2025

6,428

tỷ VNĐ

YoY: ▼463| -6.7%

LN sau thuế

9T 2025

1,814

tỷ VNĐ

YoY: ▼141| -7.2%

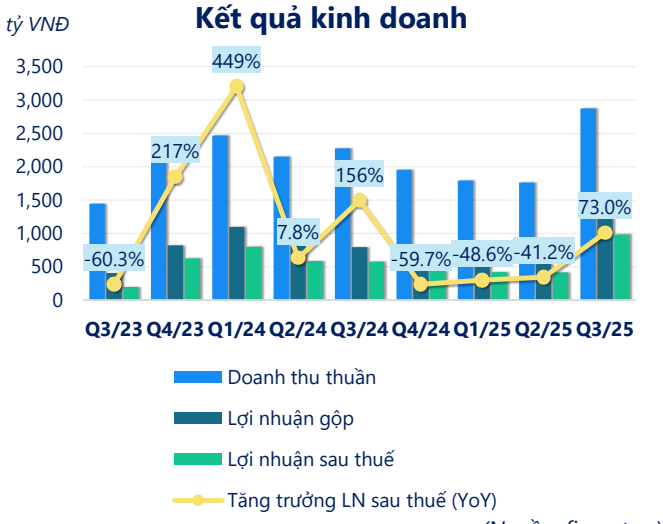
ROE

Q3/25

24.4%

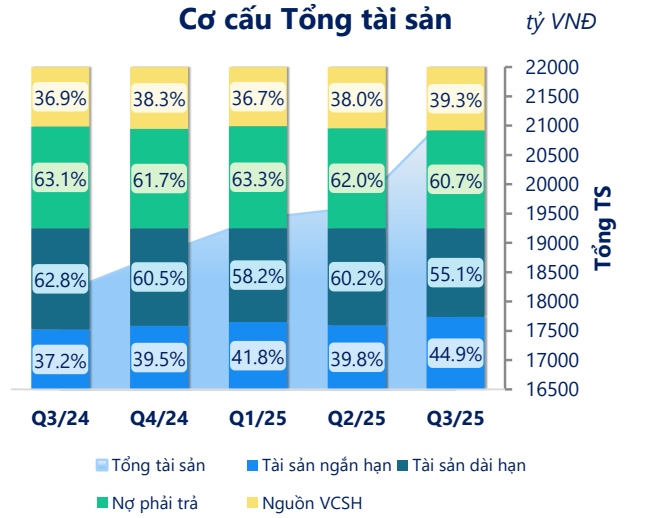
+/- YoY: ▼ 11.1%

Kết quả kinh doanh



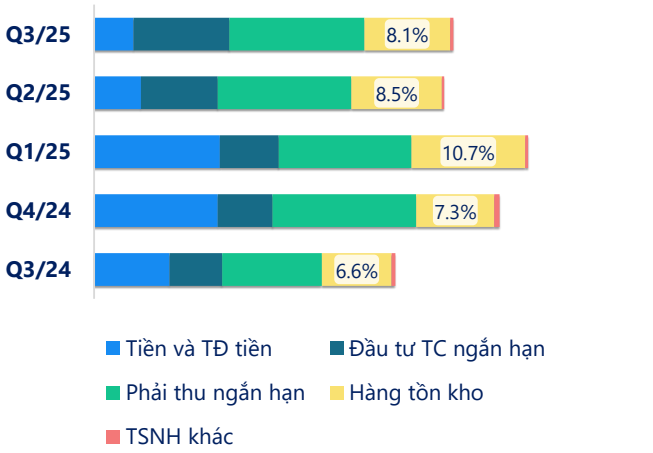
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



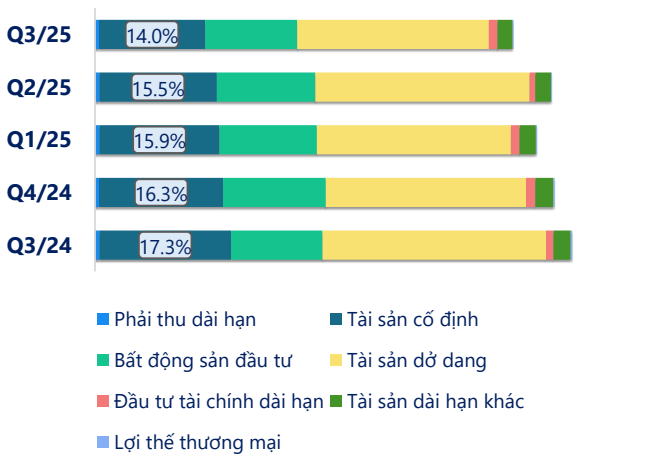
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



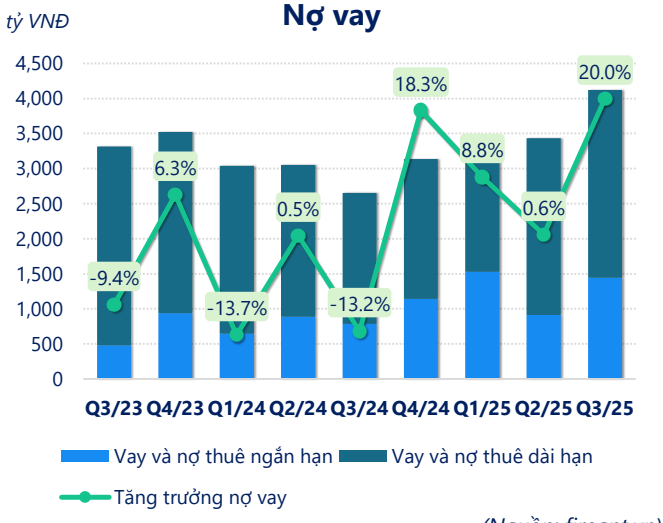
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



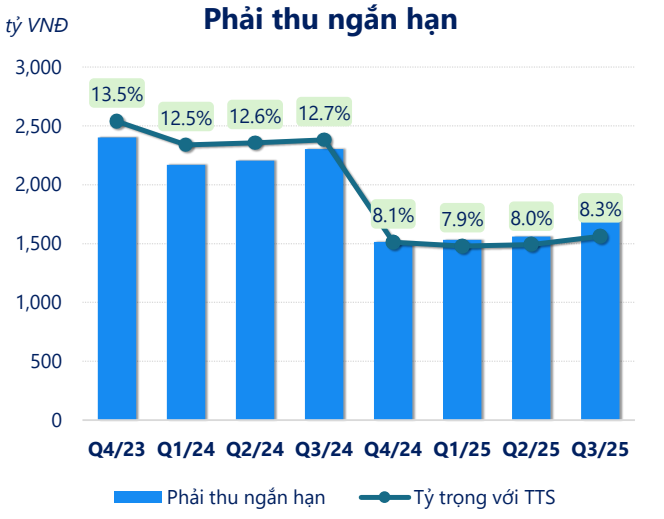
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



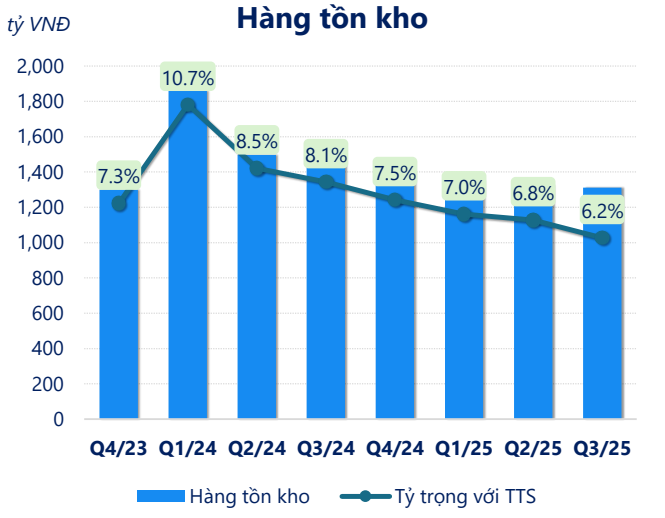
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



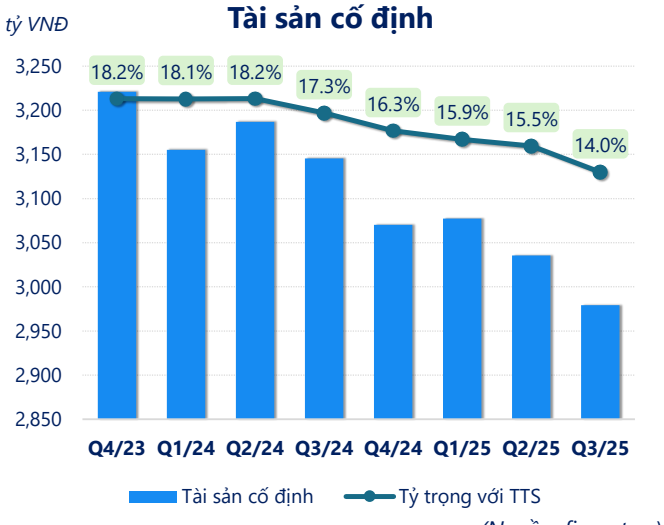
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



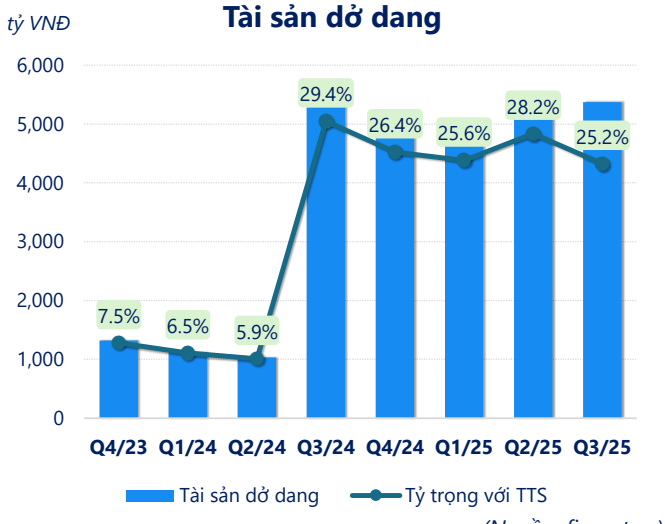
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



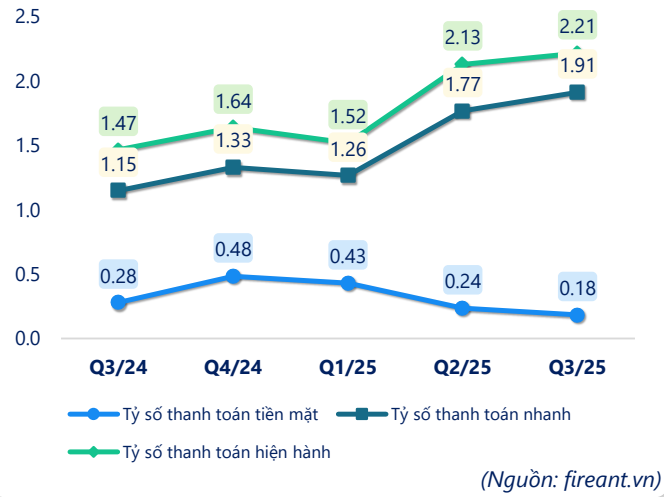
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



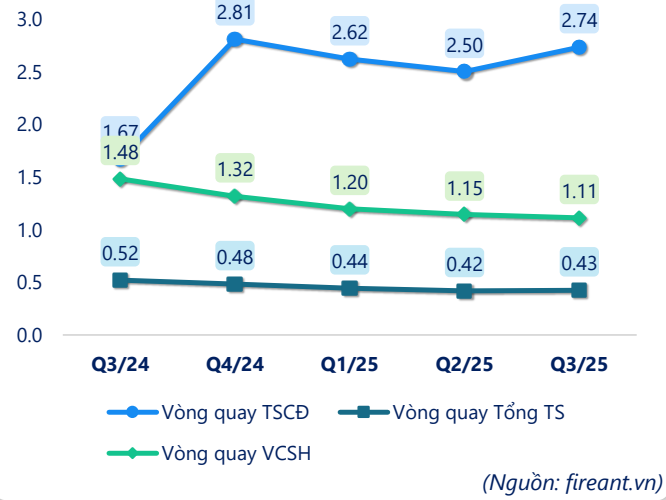
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**18,135**	**18,800**	**19,410**	**19,606**	**21,293**
Tài sản ngắn hạn	**6,744**	**7,422**	**8,117**	**7,811**	**9,563**
Tiền và tương đương tiền	1,288	2,188	2,293	863	792
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,633	2,264	2,908	4,019	5,646
Phải thu ngắn hạn	2,302	1,515	1,531	1,560	1,774
Hàng tồn kho	1,461	1,401	1,352	1,327	1,312
Tài sản ngắn hạn khác	59.9	54.2	33.1	42.5	38.6
Tài sản dài hạn	**11,391**	**11,377**	**11,293**	**11,795**	**11,730**
Phải thu dài hạn	103	103	110	110	110
Tài sản cố định	3,145	3,070	3,077	3,035	2,979
Bất động sản đầu tư	2,182	2,538	2,480	2,541	2,581
Tài sản dở dang	5,338	4,959	4,961	5,532	5,374
Đầu tư tài chính dài hạn	179	228	219	146	243
Tài sản dài hạn khác	407	447	417	405	422
Lợi thế thương mại	35.6	32.1	28.6	25.0	21.5
Nợ phải trả	**11,444**	**11,591**	**12,281**	**12,151**	**12,926**
Nợ ngắn hạn	**4,602**	**4,532**	**5,349**	**3,670**	**4,317**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	785	1,144	1,528	914	1,444
Phải trả người bán ngắn hạn	283	302	279	352	313
Nợ dài hạn	6,842	7,059	6,932	8,481	8,609
Vay và nợ thuê dài hạn	1,866	1,992	1,885	2,519	2,675
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,691**	**7,208**	**7,130**	**7,455**	**8,367**
Vốn chủ sở hữu	**6,691**	**7,208**	**7,130**	**7,455**	**8,367**
Vốn điều lệ	3,300	3,300	3,300	3,300	3,795
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)